

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày 30/8/2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh;
Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 608/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Phúc T, sinh ngày 16/3/1995;
Địa chỉ: B49, tổ 29, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1964; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2023, ngày 26/6/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trương Phúc T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 07/9/2022, ông Trương Phúc T có cho bà Lê Thị Kim X vay số tiền 100.000.000 đồng để sửa nhà, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 07/9/2022 đến 07/10/2022, lãi suất vay là 2%/tháng. Bà X có viết giấy vay tiền cùng ngày 07/9/2022. Bà X chưa trả cho ông T số tiền lãi nào. Ngày

07/10/2022, đến hạn trả lại tiền nhưng bà X không trả và hện nhiều lần rồi cũng không thực hiện trả nợ vay như cam kết.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Kim X phải trả lại cho ông số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông T không yêu cầu tính lãi suất. Bà X phải chịu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án nếu chậm trả tiền cho ông.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, bà X phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Lê Thị Kim X trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Theo giấy vay tiền ngày 07/9/2022, bà X xác nhận có ký vay của ông Trương Phúc T số tiền 100.000.000 đồng, như ông T trình bày nêu trên là đúng. Bà X cam kết trả hết tiền vay vào ngày 07/10/2022. Tuy nhiên, bà chưa trả cho ông T số tiền vay như đã cam kết do gặp khó khăn trong cuộc sống.

Nay ông T khởi kiện tại Tòa án thì bà X đồng ý trả nợ vay cho ông T số tiền 100.000.000 đồng. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, bà đồng ý nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2023, bà X có đơn đề nghị thay đổi nội dung biên bản hòa giải thành ngày 28/7/2023, để bà thu xếp tiền trả nợ vay cho ông T mà không phải nộp khoản án phí theo quy định.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Kim X phải trả lại cho ông Trương Phúc T số tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Phúc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc cho bà Lê Thị Kim X vay tiền; nơi cư trú của bà X tại nhà không số, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Trương Phúc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị Kim X không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ nhất, lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà X vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn cam kết không có tài liệu, chứng cứ nào khác và tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nên cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 07/9/2022, ông T có cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng để sửa nhà, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 07/9/2022 đến 07/10/2022, lãi suất vay là 2%/tháng. Bà X chưa trả cho ông T số tiền lãi nào cả. Ngày 07/10/2022, đến hạn trả lại tiền nhưng bà X không trả và hẹn nhiều lần nhưng cũng không thực hiện trả nợ vay như cam kết. Sự việc phát sinh tranh chấp nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, bởi lẽ: Theo giấy vay tiền ngày 07/9/2022, thể hiện bà X có vay của ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tại bản tự khai đề ngày 13/7/2023 và biên bản hòa giải thành ngày 28/7/2023, bà X thừa nhận có mượn của ông T số tiền 100.000.000 đồng, chữ ký và chữ viết trên giấy mượn tiền đúng là của bà và đồng ý trả nợ vay cho ông T. Tuy nhiên, ngày 02/8/2023, bà X có đơn đề nghị thay đổi nội dung biên bản hòa giải thành, đề bà thu xếp tiền trả nợ vay cho ông T mà không phải nộp khoản án phí theo quy định, nhưng cho đến nay bà X vẫn chưa trả cho ông T khoản tiền vay trên.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà X có vay của ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc cho vay có lập giấy vay tiền nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cần phải thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Bà X không trả tiền đúng như cam kết. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X phải trả nợ vay gốc và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà X là có cơ sở để chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Kim X phải trả cho ông T số tiền nợ vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà X phải chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn bà X phải nộp án phí số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Phúc T về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Lê Thị Kim X.

Buộc bà Lê Thị Kim X phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Phúc T số tiền nợ vay gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí DS-ST: Bà Lê Thị Kim X phải nộp tiền án phí là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hoàn trả lại cho ông Trương Phúc T số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005364 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn